

Số: 803 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM
Mã số mẫu: 1010.18



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Người lấy mẫu : YS. Luân
Địa điểm lấy mẫu : Xí Nghiệp Cấp Nước KCN An Nghiệp, phường 7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
Ngày lấy mẫu : 17/9/2018
Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN
Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2
Ngày nhận mẫu : 17/09/2018
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hóa chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014(E) (*)	0	0	18/09/2018
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	18/09/2018
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,64	2	18/09/2018
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,34	0,3 - 0,5	17/09/2018
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 -Cl ⁻ B - 2012 (*)	158,00	250,00	18/09/2018
6	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	220,00	300,00	18/09/2018
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,48	2	18/09/2018
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	4,72	15	18/09/2018
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	0,09	0,3	18/09/2018
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	18/09/2018
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	1,89	50	18/09/2018
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2012 (*)	Không phát hiện	3	18/09/2018
13	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,30	6,5 - 8,5	18/09/2018
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,05	0,3	18/09/2018
15	Sulphat (mg/L)	SMEWW 427 C - 2012	191,2	250	18/09/2018

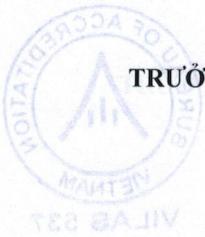
(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01/2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 1010.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.



TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM

[Signature]

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 26 tháng 9 năm 2018

GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Hồ Xuân Hòa

Ngày xét nghiệm	Tiêu chuẩn	Kết quả	Phương pháp	Chỉ tiêu
18/09/2018	0	0	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	1. Coliform tổng số (CFU/100ml)
18/09/2018	0	0	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	2. Escherichia coli (CFU/100ml)
18/09/2018	5	0,04	TCVN 6180-1:2008 (*)	3. Chỉ số Bacteraemia (mg/L)
18/09/2018	0,3 - 0,5	0,31	SMEWW 4500 - Cl-P-2012	4. Clo dư (mg/L)
18/09/2018	250,00	128,00	SMEWW 4500 - Cl-B-2012 (*)	5. Clo dư (mg/L)
18/09/2018	300,00	220,00	SMEWW 2340C - 2012 (*)	6. Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)
18/09/2018	5	0,48	SMEWW 2130B - 2012	7. Độ đục (NTU)
18/09/2018	12	1,22	SMEWW 2120C - 2012 (*)	8. Độ màu (màu sắc) (TCU)
18/09/2018	0,3	0,09	SMEWW 3500 Mn-B-2012 (*)	9. Mangan tổng số (mg/L)
18/09/2018	Không có mức vi là	Không có mức vi là	Cảm quan	10. Mùi vị
18/09/2018	50	1,89	TCVN 6180-1:2008	11. Nitrat (mg/L)
18/09/2018	3	Không phát hiện	SMEWW 4500-NO ₃ -B-2012 (*)	12. Nitrat (mg/L)
18/09/2018	0,5 - 0,5	2,30	TCVN 6462:2011 (*)	13. pH
18/09/2018	0,3	0,05	SMEWW 3500 Fe-B-2012	14. Sắt tổng cộng (mg/L)
18/09/2018	250	101,2	SMEWW 432 C-2012	15. Sulfat (mg/L)

Số: 804 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM
Mã số mẫu: 1011.18



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Người lấy mẫu : YS. Luân
Địa điểm lấy mẫu : Trạm 3 giếng, KCN An Nghiệp, phường 7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
Ngày lấy mẫu : 17/9/2018
Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN
Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2
Ngày nhận mẫu : 17/09/2018
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hóa chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014(E) (*)	0	0	18/09/2018
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	18/09/2018
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,48	2	18/09/2018
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,35	0,3 - 0,5	17/09/2018
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 -Cl ⁻ B - 2012 (*)	158,00	250,00	18/09/2018
6	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	220,00	300,00	18/09/2018
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,51	2	18/09/2018
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	4,03	15	18/09/2018
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	0,08	0,3	18/09/2018
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	18/09/2018
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	1,50	50	18/09/2018
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2012 (*)	Không phát hiện	3	18/09/2018
13	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,40	6,5 - 8,5	18/09/2018
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,07	0,3	18/09/2018
15	Sulphat (mg/L)	SMEWW 427 C - 2012	188,4	250	18/09/2018

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01/2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 1011.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.


TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 26 tháng 9 năm 2018

GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Hồ Tấn Hòa

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliform tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	CFU	0	0	18/09/2018
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	CFU	0	0	18/09/2018
3	Chỉ số bacteriological (mg/L)	TCVN 6186 - 1996 (*)	mg/L	0.48	2	18/09/2018
4	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	mg/L	0.38	0.3 - 0.8	18/09/2018
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	mg/L	123.00	250.00	18/09/2018
6	Bộ cứng tổng cộng tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	mg/L	120.00	300.00	18/09/2018
7	Bộ độ (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	NTU	0.31	2	18/09/2018
8	Bộ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	TCU	4.03	18	18/09/2018
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3800 Mn - B-2012 (*)	mg/L	0.08	0.3	18/09/2018
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	18/09/2018
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6186 - 1996	mg/L	1.20	50	18/09/2018
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500 - NO ₂ - B-2012 (*)	mg/L	Không phát hiện	3	18/09/2018
13	pH	TCVN 6186-2011 (*)	pH	7.40	6.5 - 8.5	18/09/2018
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B-2012	mg/L	0.07	0.3	18/09/2018
15	Copper (mg/L)	SMEWW 337 C - 2012	mg/L	188.4	250	18/09/2018